

大目/Ome, 荻野/Ogino

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	もえる			もえる		
			1	2 粗大	3 缶	4
5	6	7 紙粗大	8	9 粗大	10 ビン	11
12	13	14 べ粗大	15	16 粗大	17 缶	18
19	20	21 紙粗大	22	23 粗大	24 ビン	25
26	27	28 べ粗大	29	30		

Tháng năm

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	もえる			もえる		
					1 缶	2
3	4	5 紙	6	7 粗大	8 ビン	9
10	11	12 べ粗大	13	14 粗大	15 缶	16
17	18	19 紙粗大	20	21 粗大	22 ビン	23
24	25	26 べ粗大	27	28 粗大	29	30
31						

Tháng sáu

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	もえる			もえる		
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6
7	8	9 べ粗大	10	11 粗大	12 ビン	13
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20
21	22	23 べ粗大	24	25 粗大	26 ビン	27
28	29	30				

Tháng bảy

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 粗大	3 缶	4
5	6	7 紙粗大	8	9 粗大	10 ビン	11
12	13	14 べ粗大	15	16 粗大	17 缶	18
19	20	21 紙粗大	22	23 粗大	24 ビン	25
26	27	28 べ粗大	29	30 粗大	31	

Tháng tám

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1
2	3	4 紙粗大	5	6 粗大	7 缶	8
9	10	11 ペ	12	13 粗大	14 ビン	15
16	17	18 紙粗大	19	20 粗大	21 缶	22
23	24	25 べ粗大	26	27 粗大	28 ビン	29
30	31					

Tháng chín

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 紙粗大	2	3 粗大	4 缶	5
6	7	8 べ粗大	9	10 粗大	11 ビン	12
13	14	15 紙粗大	16	17 粗大	18 缶	19
20	21	22 ペ	23	24 粗大	25 ビン	26
27	28	29	30			

Tháng mười

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
				1 粗大	2 缶	3
4	5	6 紙粗大	7	8 粗大	9 ビン	10
11	12	13 べ粗大	14	15 粗大	16 缶	17
18	19	20 紙粗大	21	22 粗大	23 ビン	24
25	26	27 べ粗大	28	29 粗大	30	31

Tháng mười một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2	3 紙	4	5 粗大	6 缶	7
8	9	10 べ粗大	11	12 粗大	13 ビン	14
15	16	17 紙粗大	18	19 粗大	20 缶	21
22	23	24 べ粗大	25	26 粗大	27 ビン	28
29	30					

2027(令和9年)

Tháng mười hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 紙粗大	2	3 粗大	4 缶	5
6	7	8 べ粗大	9	10 粗大	11 ビン	12
13	14	15 紙粗大	16	17 粗大	8 缶	19
20	21	22 べ粗大	23	24 粗大	25 ビン	26
27	28	29	30	31		

Tháng một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4	5 紙粗大	6	7 粗大	8 ビン	9
10	11	12 べ粗大	13	14 粗大	15 缶	16
17	18	19 紙粗大	20	21 粗大	22 ビン	23
24	25	26 べ粗大	27	28 粗大	29	30
31						

Tháng hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6
7	8	9 べ粗大	10	11	12 ビン	13
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20
21	22	23 ペ	24	25 粗大	26 ビン	27
28						

Tháng ba

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6
7	8	9 べ粗大	10	11 粗大	12 ビン	13
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20
21	22	23 べ粗大	24	25 粗大	26 ビン	27
28	29	30	31			

甲東地区/Koto (荻野を除く/Ngoại trừ Ogino), 大鶴地区/Otsuru (小倉を除く/Ngoại trừ Ogura), 仲山/Nakayama, 大柵/Okunugi, 大向/Omukai

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư

Tháng năm

Tháng sáu

もえる

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 粗大	3 缶	4
5	6	7 紙粗大	8	9 粗大	10 ビン	11
12	13	14 ペ粗大	15	16 粗大	17 缶	18
19	20	21 紙粗大	22	23 粗大	24 ビン	25
26	27	28 ペ粗大	29	30		

もえる

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1 缶	2
3	4	5 紙	6	7 粗大	8 ビン	9
10	11	12 ペ粗大	13	14 粗大	15 缶	16
17	18	19 紙粗大	20	21 粗大	22 ビン	23
24	25	26 ペ粗大	27	28 粗大	29	30
31						

もえる

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6
7	8	9 ペ粗大	10	11 粗大	12 ビン	13
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20
21	22	23 ペ粗大	24	25 粗大	26 ビン	27
28	29	30				

Tháng bảy

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 粗大	3 缶	4
5	6	7 紙粗大	8	9 粗大	10 ビン	11
12	13	14 ペ粗大	15	16 粗大	17 缶	18
19	20	21 紙粗大	22	23 粗大	24 ビン	25
26	27	28 ペ粗大	29	30 粗大	31	

Tháng tám

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1
2	3	4 紙粗大	5	6 粗大	7 缶	8
9	10	11 ペ	12	13 粗大	14 ビン	15
16	17	18 紙粗大	19	20 粗大	21 缶	22
23	24	25 ペ粗大	26	27 粗大	28 ビン	29
30	31					

Tháng chín

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 紙粗大	2	3 粗大	4 缶	5
6	7	8 ペ粗大	9	10 粗大	11 ビン	12
13	14	15 紙粗大	16	17 粗大	18 缶	19
20	21	22 ペ	23	24 粗大	25 ビン	26
27	28	29	30			

Tháng mười

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
				1 粗大	2 缶	3
4	5	6 紙粗大	7	8 粗大	9 ビン	10
11	12	13 ペ粗大	14	15 粗大	16 缶	17
18	19	20 紙粗大	21	22 粗大	23 ビン	24
25	26	27 ペ粗大	28	29 粗大	30	31

Tháng mười một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2	3 紙	4	5 粗大	6 缶	7
8	9	10 ペ粗大	11	12 粗大	13 ビン	14
15	16	17 紙粗大	18	19 粗大	20 缶	21
22	23	24 ペ粗大	25	26 粗大	27 ビン	28
29	30					

Tháng mười hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 紙粗大	2	3 粗大	4 缶	5
6	7	8 ペ粗大	9	10 粗大	11 ビン	12
13	14	15 紙粗大	16	17 粗大	8 缶	19
20	21	22 ペ粗大	23	24 粗大	25 ビン	26
27	28	29	30	31		

2027(令和9年) Tháng một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4	5 紙粗大	6	7 粗大	8 ビン	9
10	11	12 ペ粗大	13	14 粗大	15 缶	16
17	18	19 紙粗大	20	21 粗大	22 ビン	23
24	25	26 ペ粗大	27	28 粗大	29	30
31						

Tháng hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6
7	8	9 ペ粗大	10	11	12 ビン	13
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20
21	22	23 ペ	24	25 粗大	26 ビン	27
28						

Tháng ba

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6
7	8	9 ペ粗大	10	11 粗大	12 ビン	13
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20
21	22	23 ペ粗大	24	25 粗大	26 ビン	27
28	29	30	31			

巖地区/Iwao area(仲山・大柵を除く/Ngoại trừ Nakayama, Okunugi), コモアしおつ/Commone Shioitsu

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư

Tháng năm

Tháng sáu

もえる		もえる					
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	
			1	2 粗大	3 缶	4	
5	6	7 紙粗大	8	9 粗大	10 ビン	11	
12	13	14 べ粗大	15	16 粗大	17 缶	18	
19	20	21 紙粗大	22	23 粗大	24 ビン	25	
26	27	28 べ粗大	29	30			

もえる		もえる					
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	
					1 缶	2	
3	4	5 紙	6	7 粗大	8 ビン	9	
10	11	12 べ粗大	13	14 粗大	15 缶	16	
17	18	19 紙粗大	20	21 粗大	22 ビン	23	
24	25	26 べ粗大	27	28 粗大	29	30	
31							

もえる		もえる					
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6	
7	8	9 べ粗大	10	11 粗大	12 ビン	13	
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20	
21	22	23 べ粗大	24	25 粗大	26 ビン	27	
28	29	30					

Tháng bảy

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 粗大	3 缶	4
5	6	7 紙粗大	8	9 粗大	10 ビン	11
12	13	14 べ粗大	15	16 粗大	17 缶	18
19	20	21 紙粗大	22	23 粗大	24 ビン	25
26	27	28 べ粗大	29	30 粗大	31	

Tháng tám

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1
2	3	4 紙粗大	5	6 粗大	7 缶	8
9	10	11 ペ	12	13 粗大	14 ビン	15
16	17	18 紙粗大	19	20 粗大	21 缶	22
23	24	25 べ粗大	26	27 粗大	28 ビン	29
30	31					

Tháng chín

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 紙粗大	2	3 粗大	4 缶	5
6	7	8 べ粗大	9	10 粗大	11 ビン	12
13	14	15 紙粗大	16	17 粗大	18 缶	19
20	21	22 ペ	23	24 粗大	25 ビン	26
27	28	29	30			

Tháng mười

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
				1 粗大	2 缶	3
4	5	6 紙粗大	7	8 粗大	9 ビン	10
11	12	13 べ粗大	14	15 粗大	16 缶	17
18	19	20 紙粗大	21	22 粗大	23 ビン	24
25	26	27 べ粗大	28	29 粗大	30	31

Tháng mười một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2	3 紙	4	5 粗大	6 缶	7
8	9	10 べ粗大	11	12 粗大	13 ビン	14
15	16	17 紙粗大	18	19 粗大	20 缶	21
22	23	24 べ粗大	25	26 粗大	27 ビン	28
29	30					

Tháng mười hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 紙粗大	2	3 粗大	4 缶	5
6	7	8 べ粗大	9	10 粗大	11 ビン	12
13	14	15 紙粗大	16	17 粗大	8 缶	19
20	21	22 べ粗大	23	24 粗大	25 ビン	26
27	28	29	30	31		

2027(令和9年)

Tháng một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4	5 紙粗大	6	7 粗大	8 ビン	9
10	11	12 べ粗大	13	14 粗大	15 缶	16
17	18	19 紙粗大	20	21 粗大	22 ビン	23
24	25	26 べ粗大	27	28 粗大	29	30
31						

Tháng hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6
7	8	9 べ粗大	10	11	12 ビン	13
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20
21	22	23 ペ	24	25 粗大	26 ビン	27
28						

Tháng ba

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 紙粗大	3	4 粗大	5 缶	6
7	8	9 べ粗大	10	11 粗大	12 ビン	13
14	15	16 紙粗大	17	18 粗大	19 缶	20
21	22	23 べ粗大	24	25 粗大	26 ビン	27
28	29	30	31			

島田地区/Shimada area(篠久保を除く/Ngoại trừ Shinokubo)

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる			もえる	
			1 ビン	2 粗大	3	4 紙
5	6	7 粗大	8 缶	9 粗大	10	11 ペ
12	13	14 粗大	15 ビン	16 粗大	17	18 紙
19	20	21 粗大	22 缶	23 粗大	24	25 ペ
26	27	28 粗大	29	30		

Tháng năm

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる			もえる	
					1	2 紙
3	4	5	6 ビン	7 粗大	8	9 ペ
10	11	12 粗大	13 缶	14 粗大	15	16 紙
17	18	19 粗大	20 ビン	21 粗大	22	23 ペ
24	25	26 粗大	27 缶	28 粗大	29	30
31						

Tháng sáu

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる			もえる	
	1	2 粗大	3 ビン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11 粗大	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ビン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23 粗大	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28	29	30 粗大				

Tháng bảy

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1 ビン	2 粗大	3	4 紙
5	6	7 粗大	8 缶	9 粗大	10	11 ペ
12	13	14 粗大	15 ビン	16 粗大	17	18 紙
19	20	21 粗大	22 缶	23 粗大	24	25 ペ
26	27	28 粗大	29	30	31	

Tháng tám

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1 紙
2	3	4 粗大	5 ビン	6 粗大	7	8 ペ
9	10	11	12 缶	13 粗大	14	15 紙
16	17	18 粗大	19 ビン	20 粗大	21	22 ペ
23	24	25 粗大	26 缶	27 粗大	28	29
30	31					

Tháng chín

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1 粗大
		1 粗大	2 ビン	3 粗大	4	5 紙
6	7	8 粗大	9 缶	10 粗大	11	12 ペ
13	14	15 粗大	16 ビン	17 粗大	18	19 紙
20	21	22	23 缶	24 粗大	25	26 ペ
27	28	29 粗大	30			

Tháng mười

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1 粗大	2
				1 粗大	2	3 紙
4	5	6 粗大	7 ビン	8 粗大	9	10 ペ
11	12	13 粗大	14 缶	15 粗大	16	17 紙
18	19	20 粗大	21 ビン	22 粗大	23	24 ペ
25	26	27 粗大	28 缶	29 粗大	30	31

Tháng mười một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2	3	4 ビン	5 粗大	6	7 紙
8	9	10 粗大	11 缶	12 粗大	13	14 ペ
15	16	17 粗大	18 ビン	19 粗大	20	21 紙
22	23	24 粗大	25 缶	26 粗大	27	28 ペ
29	30					

Tháng mười hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1 粗大
		1 粗大	2 ビン	3 粗大	4	5 紙
6	7	8 粗大	9 缶	10 粗大	11	12 ペ
13	14	15 粗大	16 ビン	17 粗大	8	19 紙
20	21	22 粗大	23 缶	24 粗大	25	26 ペ
27	28	29	30	31		

2027(令和9年)

Tháng một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1
					1	2
3	4	5 粗大	6 ビン	7 粗大	8	9 ペ
10	11	12 粗大	13 缶	14 粗大	15	16 紙
17	18	19 粗大	20 ビン	21 粗大	22	23 ペ
24	25	26 粗大	27 缶	28 粗大	29	30
31						

Tháng hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 粗大	3 ビン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ビン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28						

Tháng ba

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 粗大	3 ビン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11 粗大	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ビン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23 粗大	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28	29	30 粗大	31			

諏訪/Suwa, 塚場/Tsukaba, 新町/Shinmachi, 篠久保/Shinokubo

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày 3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる	1 ピン	2 粗大	3	4 紙
5	6	7 粗大	8 缶	9 粗大	10	11 ペ
12	13	14 粗大	15 ピン	16 粗大	17	18 紙
19	20	21 粗大	22 缶	23 粗大	24	25 ペ
26	27	28 粗大	29	30		

Tháng năm

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる			1	2 紙
3	4	5	6 ピン	7 粗大	8	9 ペ
10	11	12 粗大	13 缶	14 粗大	15	16 紙
17	18	19 粗大	20 ピン	21 粗大	22	23 ペ
24	25	26 粗大	27 缶	28 粗大	29	30
31						

Tháng sáu

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる				
	1	2 粗大	3 ピン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11 粗大	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ピン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23 粗大	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28	29	30 粗大				

Tháng bảy

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1 ピン	2 粗大	3	4 紙
5	6	7 粗大	8 缶	9 粗大	10	11 ペ
12	13	14 粗大	15 ピン	16 粗大	17	18 紙
19	20	21 粗大	22 缶	23 粗大	24	25 ペ
26	27	28 粗大	29	30	31	

Tháng tám

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1 紙
2	3	4 粗大	5 ピン	6 粗大	7	8 ペ
9	10	11	12 缶	13 粗大	14	15 紙
16	17	18 粗大	19 ピン	20 粗大	21	22 ペ
23	24	25 粗大	26 缶	27 粗大	28	29
30	31					

Tháng chín

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1 粗大
		1 粗大	2 ピン	3 粗大	4	5 紙
6	7	8 粗大	9 缶	10 粗大	11	12 ペ
13	14	15 粗大	16 ピン	17 粗大	18	19 紙
20	21	22	23 缶	24 粗大	25	26 ペ
27	28	29 粗大	30			

Tháng mười

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1 粗大	2
				1 粗大	2	3 紙
4	5	6 粗大	7 ピン	8 粗大	9	10 ペ
11	12	13 粗大	14 缶	15 粗大	16	17 紙
18	19	20 粗大	21 ピン	22 粗大	23	24 ペ
25	26	27 粗大	28 缶	29 粗大	30	31

Tháng mười một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2	3	4 ピン	5 粗大	6	7 紙
8	9	10 粗大	11 缶	12 粗大	13	14 ペ
15	16	17 粗大	18 ピン	19 粗大	20	21 紙
22	23	24 粗大	25 缶	26 粗大	27	28 ペ
29	30					

Tháng mười hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 粗大	2 ピン	3 粗大	4	5 紙
6	7	8 粗大	9 缶	10 粗大	11	12 ペ
13	14	15 粗大	16 ピン	17 粗大	18	19 紙
20	21	22 粗大	23 缶	24 粗大	25	26 ペ
27	28	29	30	31		

2027(令和9年)

Tháng một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4	5 粗大	6 ピン	7 粗大	8	9 ペ
10	11	12 粗大	13 缶	14 粗大	15	16 紙
17	18	19 粗大	20 ピン	21 粗大	22	23 ペ
24	25	26 粗大	27 缶	28 粗大	29	30
31						

Tháng hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 粗大	3 ピン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ピン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28						

Tháng ba

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 粗大	3 ピン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11 粗大	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ピン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23 粗大	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28	29	30 粗大	31			

本町/Honmachi, 原/Hara, 新田倉/Shintakura(大向を除く/Ngoại trừ Omukai)

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 <small>ベ 粗大</small>	3 紙	4
5	6 缶	7 粗大	8	9 <small>紙 粗大</small>	10 ペ	11
12	13 ビン	14 粗大	15	16 <small>ベ 粗大</small>	17 紙	18
19	20 缶	21 粗大	22	23 <small>紙 粗大</small>	24 ペ	25
26	27 ビン	28 粗大	29	30		

Tháng năm						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4 缶	5	6	7 <small>ベ 粗大</small>	8	9
10	11 ビン	12 粗大	13	14 <small>紙 粗大</small>	15	16
17	18 缶	19 粗大	20	21 <small>ベ 粗大</small>	22	23
24	25 ビン	26 粗大	27	28 <small>紙 粗大</small>	29	30
31						

Tháng sáu						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ベ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 <small>紙 粗大</small>	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ベ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23 粗大	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28	29	30 粗大				

Tháng bảy						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 <small>ベ 粗大</small>	3	4
5	6 缶	7 粗大	8	9 <small>紙 粗大</small>	10	11
12	13 ビン	14 粗大	15	16 <small>ベ 粗大</small>	17	18
19	20 缶	21 粗大	22	23 <small>紙 粗大</small>	24	25
26	27 ビン	28 粗大	29	30 粗大	31	

Tháng tám						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1
2	3 缶	4 粗大	5	6 <small>ベ 粗大</small>	7	8
9	10 ビン	11	12	13 <small>紙 粗大</small>	14	15
16	17 缶	18 粗大	19	20 <small>ベ 粗大</small>	21	22
23	24 ビン	25 粗大	26	27 <small>紙 粗大</small>	28	29
30	31					

Tháng chín						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 粗大	2	3 <small>ベ 粗大</small>	4	5
6	7 缶	8 粗大	9	10 <small>紙 粗大</small>	11	12
13	14 ビン	15 粗大	16	17 <small>ベ 粗大</small>	18	19
20	21 缶	22	23	24 <small>紙 粗大</small>	25	26
27	28 ビン	29 粗大	30			

Tháng mười						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
				1 <small>ベ 粗大</small>	2	3
4	5 缶	6 粗大	7	8 <small>紙 粗大</small>	9	10
11	12 ビン	13 粗大	14	15 <small>ベ 粗大</small>	16	17
18	19 缶	20 粗大	21	22 <small>紙 粗大</small>	23	24
25	26 ビン	27 粗大	28	29 粗大	30	31

Tháng mười một						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2 缶	3	4	5 <small>ベ 粗大</small>	6	7
8	9 ビン	10 粗大	11	12 <small>紙 粗大</small>	13	14
15	16 缶	17 粗大	18	19 <small>ベ 粗大</small>	20	21
22	23 ビン	24 粗大	25	26 <small>紙 粗大</small>	27	28
29	30					

Tháng mười hai						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 粗大	2	3 <small>ベ 粗大</small>	4	5
6	7 缶	8 粗大	9	10 <small>紙 粗大</small>	11	12
13	14 ビン	15 粗大	16	17 <small>ベ 粗大</small>	18	19
20	21 缶	22 粗大	23	24 <small>紙 粗大</small>	25	26
27	28 ビン	29	30	31		

2027(令和9年) Tháng một						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4 缶	5 粗大	6	7 <small>ベ 粗大</small>	8	9
10	11 ビン	12 粗大	13	14 <small>紙 粗大</small>	15	16
17	18 缶	19 粗大	20	21 <small>ベ 粗大</small>	22	23
24	25 ビン	26 粗大	27	28 <small>紙 粗大</small>	29	30
31						

Tháng hai						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ベ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 紙	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ベ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28						

Tháng ba						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ベ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 <small>紙 粗大</small>	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ベ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23 粗大	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28	29	30 粗大	31			

田町/Tamachi, 羽佐間/Hasama, 小沢/Ozawa, 西シ原/Nishihara, 新井/Arai, 八米/Yagome, 山風呂/Yamafuro, 向風/Komukai, 小倉/Ogura

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 <small>ペ 粗大</small>	3 紙	4
5	6 缶	7 粗大	8	9 <small>紙 粗大</small>	10 ペ	11
12	13 ビン	14 粗大	15	16 <small>ペ 粗大</small>	17 紙	18
19	20 缶	21 粗大	22	23 <small>紙 粗大</small>	24 ペ	25
26	27 ビン	28 粗大	29	30		

Tháng năm						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4 缶	5	6	7 <small>ペ 粗大</small>	8	9
10	11 ビン	12 粗大	13	14 <small>紙 粗大</small>	15	16
17	18 缶	19 粗大	20	21 <small>ペ 粗大</small>	22	23
24	25 ビン	26 粗大	27	28 <small>紙 粗大</small>	29	30
31						

Tháng sáu						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ペ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 <small>紙 粗大</small>	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ペ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23 粗大	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28	29	30 粗大				

Tháng bảy						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 <small>ペ 粗大</small>	3	4
5	6 缶	7 粗大	8	9 <small>紙 粗大</small>	10	11
12	13 ビン	14 粗大	15	16 <small>ペ 粗大</small>	17	18
19	20 缶	21 粗大	22	23 <small>紙 粗大</small>	24	25
26	27 ビン	28 粗大	29	30 粗大	31	

Tháng tám						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1
2	3 缶	4 粗大	5	6 <small>ペ 粗大</small>	7	8
9	10 ビン	11	12	13 <small>紙 粗大</small>	14	15
16	17 缶	18 粗大	19	20 <small>ペ 粗大</small>	21	22
23	24 ビン	25 粗大	26	27 <small>紙 粗大</small>	28	29
30	31					

Tháng chín						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 粗大	2	3 <small>ペ 粗大</small>	4	5
6	7 缶	8 粗大	9	10 <small>紙 粗大</small>	11	12
13	14 ビン	15 粗大	16	17 <small>ペ 粗大</small>	18	19
20	21 缶	22	23	24 <small>紙 粗大</small>	25	26
27	28 ビン	29 粗大	30			

Tháng mười						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
				1 <small>ペ 粗大</small>	2	3
4	5 缶	6 粗大	7	8 <small>紙 粗大</small>	9	10
11	12 ビン	13 粗大	14	15 <small>ペ 粗大</small>	16	17
18	19 缶	20 粗大	21	22 <small>紙 粗大</small>	23	24
25	26 ビン	27 粗大	28	29 粗大	30	31

Tháng mười một						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2 缶	3	4	5 <small>ペ 粗大</small>	6	7
8	9 ビン	10 粗大	11	12 <small>紙 粗大</small>	13	14
15	16 缶	17 粗大	18	19 <small>ペ 粗大</small>	20	21
22	23 ビン	24 粗大	25	26 <small>紙 粗大</small>	27	28
29	30					

Tháng mười hai						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 粗大	2	3 <small>ペ 粗大</small>	4	5
6	7 缶	8 粗大	9	10 <small>紙 粗大</small>	11	12
13	14 ビン	15 粗大	16	17 <small>ペ 粗大</small>	18	19
20	21 缶	22 粗大	23	24 <small>紙 粗大</small>	25	26
27	28 ビン	29	30	31		

2027(令和9年)						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4 缶	5 粗大	6	7 <small>ペ 粗大</small>	8	9
10	11 ビン	12 粗大	13	14 <small>紙 粗大</small>	15	16
17	18 缶	19 粗大	20	21 <small>ペ 粗大</small>	22	23
24	25 ビン	26 粗大	27	28 <small>紙 粗大</small>	29	30
31						

Tháng hai						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ペ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 紙	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ペ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28						

Tháng ba						
もえる						もえる
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ペ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 <small>紙 粗大</small>	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ペ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23 粗大	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28	29	30 粗大	31			

桐原地区/Yuzurihara area, 西原地区/Saihara area, 先祖/Senzo, 丸畑/Maruhata, 奈須部/Nasubu

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 <small>ベ 粗大</small>	3 紙	4
5	6 缶	7 粗大	8	9 <small>紙 粗大</small>	10 ペ	11
12	13 ビン	14 粗大	15	16 <small>ベ 粗大</small>	17 紙	18
19	20 缶	21 粗大	22	23 <small>紙 粗大</small>	24 ペ	25
26	27 ビン	28 粗大	29	30		

Tháng năm						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4 缶	5	6	7 <small>ベ 粗大</small>	8	9
10	11 ビン	12 粗大	13	14 <small>紙 粗大</small>	15	16
17	18 缶	19 粗大	20	21 <small>ベ 粗大</small>	22	23
24	25 ビン	26 粗大	27	28 <small>紙 粗大</small>	29	30
31						

Tháng sáu						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ベ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 <small>紙 粗大</small>	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ベ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23 粗大	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28	29	30 粗大				

Tháng bảy						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1	2 <small>ベ 粗大</small>	3	4
5	6 缶	7 粗大	8	9 <small>紙 粗大</small>	10	11
12	13 ビン	14 粗大	15	16 <small>ベ 粗大</small>	17	18
19	20 缶	21 粗大	22	23 <small>紙 粗大</small>	24	25
26	27 ビン	28 粗大	29	30 粗大	31	

Tháng tám						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1
2	3 缶	4 粗大	5	6 <small>ベ 粗大</small>	7	8
9	10 ビン	11	12	13 <small>紙 粗大</small>	14	15
16	17 缶	18 粗大	19	20 <small>ベ 粗大</small>	21	22
23	24 ビン	25 粗大	26	27 <small>紙 粗大</small>	28	29
30	31					

Tháng chín						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 粗大	2	3 <small>ベ 粗大</small>	4	5
6	7 缶	8 粗大	9	10 <small>紙 粗大</small>	11	12
13	14 ビン	15 粗大	16	17 <small>ベ 粗大</small>	18	19
20	21 缶	22	23	24 <small>紙 粗大</small>	25	26
27	28 ビン	29 粗大	30			

Tháng mười						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
				1 <small>ベ 粗大</small>	2	3
4	5 缶	6 粗大	7	8 <small>紙 粗大</small>	9	10
11	12 ビン	13 粗大	14	15 <small>ベ 粗大</small>	16	17
18	19 缶	20 粗大	21	22 <small>紙 粗大</small>	23	24
25	26 ビン	27 粗大	28	29 粗大	30	31

Tháng mười một						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2 缶	3	4	5 <small>ベ 粗大</small>	6	7
8	9 ビン	10 粗大	11	12 <small>紙 粗大</small>	13	14
15	16 缶	17 粗大	18	19 <small>ベ 粗大</small>	20	21
22	23 ビン	24 粗大	25	26 <small>紙 粗大</small>	27	28
29	30					

Tháng mười hai						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 粗大	2	3 <small>ベ 粗大</small>	4	5
6	7 缶	8 粗大	9	10 <small>紙 粗大</small>	11	12
13	14 ビン	15 粗大	16	17 <small>ベ 粗大</small>	18	19
20	21 缶	22 粗大	23	24 <small>紙 粗大</small>	25	26
27	28 ビン	29	30	31		

2027(令和9年) Tháng một						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4 缶	5 粗大	6	7 <small>ベ 粗大</small>	8	9
10	11 ビン	12 粗大	13	14 <small>紙 粗大</small>	15	16
17	18 缶	19 粗大	20	21 <small>ベ 粗大</small>	22	23
24	25 ビン	26 粗大	27	28 <small>紙 粗大</small>	29	30
31						

Tháng hai						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ベ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 紙	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ベ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28						

Tháng ba						
Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1 缶	2 粗大	3	4 <small>ベ 粗大</small>	5	6
7	8 ビン	9 粗大	10	11 <small>紙 粗大</small>	12	13
14	15 缶	16 粗大	17	18 <small>ベ 粗大</small>	19	20
21	22 ビン	23 粗大	24	25 <small>紙 粗大</small>	26	27
28	29	30 粗大	31			

秋山地区/Akiyama area

Cách phân loại rác tại mỗi địa phương là khác nhau. Nếu bạn không rõ mình thuộc khu vực nào, vui lòng liên hệ với văn phòng thành phố nơi bạn sống.

Vui lòng xem thông tin về chính quyền địa phương tại website của cục quản lý xuất nhập cảnh

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930005834.pdf>

Chương 12 : Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày
3-1 Những điều cần thiết trong sinh hoạt

- [もえる]Rác cháy
- [缶(かん)]Lon, can và đồ kim loại
- [ビン(びん)]Chai
- [紙(かみ)]Vật liệu tái chế
- [ペ(ペ)]Chai nhựa PET
- [粗大(そだい)]Rác quá khổ không cháy

2026(令和8年)

Tháng tư

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる			もえる	
			1 ビン	2 粗大	3	4 紙
5	6	7 粗大	8 缶	9 粗大	10	11 ペ
12	13	14 粗大	15 ビン	16 粗大	17	18 紙
19	20	21 粗大	22 缶	23 粗大	24	25 ペ
26	27	28 粗大	29	30		

Tháng năm

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる			もえる	
					1	2 紙
3	4	5	6 ビン	7 粗大	8	9 ペ
10	11	12 粗大	13 缶	14 粗大	15	16 紙
17	18	19 粗大	20 ビン	21 粗大	22	23 ペ
24	25	26 粗大	27 缶	28 粗大	29	30
31						

Tháng sáu

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		もえる			もえる	
	1	2 粗大	3 ビン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11 粗大	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ビン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23 粗大	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28	29	30 粗大				

Tháng bảy

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
			1 ビン	2 粗大	3	4 紙
5	6	7 粗大	8 缶	9 粗大	10	11 ペ
12	13	14 粗大	15 ビン	16 粗大	17	18 紙
19	20	21 粗大	22 缶	23 粗大	24	25 ペ
26	27	28 粗大	29	30	31	

Tháng tám

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1 紙
2	3	4 粗大	5 ビン	6 粗大	7	8 ペ
9	10	11	12 缶	13 粗大	14	15 紙
16	17	18 粗大	19 ビン	20 粗大	21	22 ペ
23	24	25 粗大	26 缶	27 粗大	28	29
30	31					

Tháng chín

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
						1 粗大
			2 ビン	3 粗大	4	5 紙
6	7	8 粗大	9 缶	10 粗大	11	12 ペ
13	14	15 粗大	16 ビン	17 粗大	18	19 紙
20	21	22	23 缶	24 粗大	25	26 ペ
27	28	29 粗大	30			

Tháng mười

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
				1 粗大	2	3 紙
4	5	6 粗大	7 ビン	8 粗大	9	10 ペ
11	12	13 粗大	14 缶	15 粗大	16	17 紙
18	19	20 粗大	21 ビン	22 粗大	23	24 ペ
25	26	27 粗大	28 缶	29 粗大	30	31

Tháng mười một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2	3	4 ビン	5 粗大	6	7 紙
8	9	10 粗大	11 缶	12 粗大	13	14 ペ
15	16	17 粗大	18 ビン	19 粗大	20	21 紙
22	23	24 粗大	25 缶	26 粗大	27	28 ペ
29	30					

Tháng mười hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
		1 粗大	2 ビン	3 粗大	4	5 紙
6	7	8 粗大	9 缶	10 粗大	11	12 ペ
13	14	15 粗大	16 ビン	17 粗大	18	19 紙
20	21	22 粗大	23 缶	24 粗大	25	26 ペ
27	28	29	30	31		

2027(令和9年)

Tháng một

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
					1	2
3	4	5 粗大	6 ビン	7 粗大	8	9 ペ
10	11	12 粗大	13 缶	14 粗大	15	16 紙
17	18	19 粗大	20 ビン	21 粗大	22	23 ペ
24	25	26 粗大	27 缶	28 粗大	29	30
31						

Tháng hai

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 粗大	3 ビン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ビン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28						

Tháng ba

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
	1	2 粗大	3 ビン	4 粗大	5	6 紙
7	8	9 粗大	10 缶	11 粗大	12	13 ペ
14	15	16 粗大	17 ビン	18 粗大	19	20 紙
21	22	23 粗大	24 缶	25 粗大	26	27 ペ
28	29	30 粗大	31			